

TỪ NHỮNG ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC 1995-1998 SUY NGHĨ VỀ SỰ VẬN ĐỘNG CỦA CÁC TÔN GIÁO VIỆT NAM

NGUYỄN KIM HIỀN^(*)

Mục đích của những cuộc điều tra về các tôn giáo mà Viện Nghiên cứu Tôn giáo tiến hành trong những năm qua là tiếp tục xác định vai trò của tôn giáo trong đời sống xã hội hiện nay. Bài viết này, bên cạnh mục đích chung đó, tự đặt cho mình nhiệm vụ rút ra một số nhận xét làm tiền đề cho các nghiên cứu tiếp theo. Hai loại bảng hỏi phục vụ cho điều tra là *phiếu phỏng vấn chung* cho tất cả các đối tượng không phân biệt tôn giáo và *phiếu phỏng vấn tín đồ* dành riêng cho tín đồ các tôn giáo (ở đây, cuộc điều tra mới chỉ tập trung vào hai tôn giáo lớn là Phật giáo và Công giáo)⁽¹⁾. Trong bài viết này, chúng tôi chủ yếu chỉ phân tích loại phiếu phỏng vấn chung.

1. Vấn đề nhận diện các tôn giáo ở Việt Nam.

1.1 *Một hướng nhận diện các tôn giáo trên cơ sở so sánh hai bộ phận Công giáo và không Công giáo.* Dựa trên kết quả các điều tra trước, đề tài điều tra lần này đã đưa ra một nhận thức về sự khác biệt giữa một bên là Kitô giáo nói chung, cụ thể ở đây là Công giáo với một bên tạm gọi là các tôn giáo truyền thống. Do đó, trong cuộc điều tra, số phiếu phỏng vấn chung được chia làm hai bộ phận: những người theo Công giáo và số còn lại, chủ yếu là theo các tôn giáo truyền thống. Toàn bộ kết quả được xử lý cho thấy sự phân chia như vậy dường như

phản ánh tương đối chính xác một khía cạnh của thực tế. Nếu như đại bộ phận người Công giáo ở bất cứ đâu đều giành mối quan tâm lớn đến tôn giáo tín ngưỡng, thì đối với bộ phận còn lại vấn đề tôn giáo tín ngưỡng dường như không được quan tâm sâu sắc. Tuy nhiên, vấn đề là ở chỗ thuật ngữ tôn giáo có thể được hiểu không giống nhau ở hai nhóm. Tham khảo bảng 1, so sánh hành vi tôn giáo của bộ phận những người theo Công giáo với bộ phận những người theo niềm tin truyền thống, có thể thấy tuyệt đại đa số người Công giáo gắn với Nhà Thờ, tỉ lệ người tham gia các hành vi khác với giáo lý của đạo mình rất thấp. Ở bộ phận tôn giáo tín ngưỡng truyền thống, tỉ lệ đến nơi thờ tự như chùa, đền... rất cao nhưng lại không phải là điều bắt buộc. Một số hoạt động "phi chính thống" được khá nhiều người hưởng ứng như xem ngày giờ, cúng sao giải hạn, bói toán và tử vi. Nhìn chung, chúng tôi nhận thấy sự phân chia theo hai khối như trên có xu hướng ngày càng mờ nhạt và ít được chú ý.

*. Thạc sĩ, Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Các điều tra được làm tại một số phường xã của ba thành phố Hà Nội (1995), TP. Hồ Chí Minh (1996) và Huế (1997) và tại một vài xã của vùng nông thôn các tỉnh Hà Tây, Nam Hà (1995), Vĩnh Phúc và Bến Tre (1998). Tổng số phiếu 4.220.

Bảng 1. So sánh việc thực hiện các hành vi tôn giáo, giữa bộ phận theo Công giáo (CG) và bộ phận theo tôn giáo tín ngưỡng truyền thống (TT) (tỉ lệ %).

	Hà Nội		Huế		TPHCM		Vĩnh Phúc	Bến Tre
	CG	TT	CG	TT	CG	TT		
1.Đi lễ chùa, đền, nhà thờ ...	98,2	75,9	98,9	77,4	98,7	82,6	53,6	55,5*
2.Xem ngày giờ tốt	33,8	79,6	6,9	85,9	3,5	60,1	38,9	49,8
3.Cúng sao giải hạn	3,8	35,8	0	45,2	0	45,8	16	31,6
4.Xem tử vi	12,1	25,6	5,7	15,2	6,1	18,9	7,8	23,9
5.Xem bói, xin quẻ	1,7	24,1	4,6	18,8	7,9	14,9	11,1	17,6
6.Gọi hồn	0	6,6	0	1,7	0,4	0,75	4,1	3
7.Hầu đồng	0	2,9	0	2,8	0	1,25	0	3

1.2 *Khoảng cách giữa khái niệm tôn giáo được sử dụng và thực tế là một khó khăn của việc nhận diện tôn giáo.* Số liệu điều tra cho thấy, một số khá đông người Việt Nam ngoài bộ phận Công giáo, tự nhận mình không theo một tôn giáo nào, đặc biệt ở các tỉnh phía Bắc. Trong mục hỏi theo tôn giáo nào⁽²⁾, chúng tôi nhận được các kết quả sau: ở Vĩnh Phúc, 76,9% người được hỏi trả lời không tôn giáo, 3,7% không trả lời, 14,9% lương, 2,4% Phật giáo; trong khi đó ở Bến Tre, 61,3% không trả lời, 2,3% lương, 25,5% Phật giáo. Hiện tượng biến mất ý thức gắn bó với tôn giáo, qua điều tra ở Vĩnh Phúc, một tỉnh phía Bắc và sự trống vắng câu trả lời về tôn giáo qua điều tra ở Bến Tre, một tỉnh phía Nam, cho thấy ảnh hưởng của hệ tư tưởng “truyền thống” đối với cách hiểu về tôn giáo. Trên thực tế có một nghịch lí là đa số người trả lời mình không thuộc về một tôn giáo nào, nhưng vẫn tham gia các sinh hoạt có tính tôn giáo cụ thể.

Do đó, thay vì khái niệm tôn giáo tín ngưỡng, cần thiết thử bổ sung vào bảng phỏng vấn một số câu hỏi mới mang nội dung của các sinh hoạt có tính tôn giáo, ví dụ: "Đi lễ đền, chùa... tham gia các hoạt động duy trì truyền thống gia đình, dòng

họ” (trong cuộc điều tra tại tỉnh Vĩnh Phúc) hay “Được sự phù hộ của ông bà tổ tiên” (trong cuộc điều tra tại tỉnh Bến Tre). Trong cùng một cuộc điều tra tại Vĩnh Phúc, trong câu 17, tôn giáo tín ngưỡng đứng ở cuối bảng giá trị với *hệ số phần trăm* là **19,54** trong một khoảng cách với giá trị đứng trên là 10%. Trong khi đó, trong câu 18, việc “Đi lễ đền chùa...” xếp thứ 12 với *hệ số phần trăm* là **40,26** (gấp đôi so với câu hỏi trên), đứng ngang với hai hoạt động khác là “Đi chơi với bạn bè” và “Hoạt động nâng cao quyền làm chủ”. Rõ ràng cách hiểu tôn giáo với tư cách là các sinh hoạt cụ thể giành được sự quan tâm của người trả lời lớn hơn khá nhiều so với cách hiểu phổ quát⁽³⁾.

1.3. *Tâm quan trọng của khâu nhận diện đối tượng đối với nghiên cứu.* Trong bảng phỏng vấn, có nêu ra một câu hỏi thú vị : xếp các giá trị theo mức độ quan tâm. Kết quả các cuộc điều tra cho thấy (xem bảng 2): sự quan tâm nhất tập trung ở hai nhóm

2. Không đưa ra một chỉ dẫn nào cho trước.

3. Trong cuộc điều tra tại Bến Tre, thay cho thuật ngữ tôn giáo tín ngưỡng, là một mong muốn cụ thể: "Được ông bà, tổ tiên phù hộ" thì vị trí của giá trị này tiến lên đứng thứ 9 với hệ số là 40,35, trên một loạt các giá trị khác như: Bạn bè tin cậy, Học văn tốt, Việc làm hợp ý và Văn nghệ thể thao.

Bảng 2. Các niềm tin ở bộ phận Công giáo và bộ phận tôn giáo truyền thống (tỉ lệ %)
(Bến Tre và Vĩnh Phúc không có số liệu riêng về Công giáo).

	Bến Tre		TPHCM		Hà Nội		Huế		Vĩnh Phúc	
			CG	TT	CG	TT	CG	TT		
Phật	-	53,8	19,7	72,9	9,5	49,6	24	80,3	-	14,9
Linh hồn		28,9	93	39,8	87,1	35	95,4	40,5	-	12,5
Mẫu (Bà)	-	34,9	7,4	23,4	2,6	30,6	3,4	7,6	-	5,8
Thần thánh	-	30,9	56,3	24,6	28,5	24,1	36	11,2	-	7,1
Ma Quỷ	-	8,3	44,1	12,4	34,5	11,7	26,7	8,7	-	1,4
Chúa	-	33,2	98,7	24,4	95,7	9,5	97,7	5,9	-	4,7
Người có khả năng ngoại cảm	-	17,6	-	19,9	25,7	14	15,5	28,3	-	12,5
Khoa học khám phá tất cả	-	65,1	-	50	26,9	49,2	34,5	35	-	46,4
Trời	-	62,5	-	48,5	64	34,3	24,1	20,8	-	12,5
Điềm lành, dữ	-	15,6	-	29,6	14,9	27,3	13	29,9	-	5,1
Báo mộng	-	13,3	-	18,7	5,7	14,6	8,6	24,1	-	6,1

giá trị sinh học và giá trị tình cảm: “sức khỏe” và “tình yêu, hạnh phúc gia đình”. Tiếp theo là nhóm giá trị xã hội: “Công bằng xã hội”, “Luật pháp nghiêm minh”, “Dân giàu nước mạnh”... Đối với một bộ phận dân cư đô thị, mối quan tâm đến nhóm giá trị trí tuệ được đề cao như: “Học vấn, tay nghề giỏi”, “Việc làm hợp ý”,... Đây là một cơ cấu giá trị phổ biến được xã hội chấp nhận như một mô hình cơ sở, trong đó, giá trị tôn giáo tín ngưỡng xếp ở vị trí cuối. Thuộc về tầng sâu tâm lí ở mỗi cá nhân, tôn giáo là mối quan tâm lâu dài, khó mà bộc lộ rõ ràng qua những điều tra “nhẹ”. Do đó, để có thể tiến đến những nghiên cứu cho phép khai thác được đúng hơn vị trí của đời sống tôn giáo trong lòng các tầng lớp xã hội khác nhau, thì điều đầu tiên, có lẽ là, cần xác định cụ thể hơn nội hàm của thuật ngữ tôn giáo hiện dùng, sau đó, nếu có thể được, tìm ra các thuật ngữ khái niệm công cụ cho phép nắm bắt các hiện tượng xã hội có mối

quan hệ gắn bó với lĩnh vực tôn giáo. Điều đó sẽ khiến cho việc nghiên cứu không bị rơi vào những trở ngại sau đây. Thứ nhất, có xu hướng đánh giá quá cao nhu cầu tôn giáo, điều trái ngược theo kết quả điều tra, vị trí của tôn giáo lại không đáng kể so với các nhu cầu xã hội khác. Thứ hai, nhu cầu tôn giáo tín ngưỡng xếp hạng quá thấp; trái với thực tế là các hoạt động thuộc phạm trù này lại phát triển rộng rãi. Ngoài một khoảng cách khá lớn giữa cách hiểu về tôn giáo như một hiện tượng phổ quát với các biểu hiện cụ thể của tôn giáo mang tính đời thường; còn có sự chênh lệch giữa cái mong muốn lí tưởng về tôn giáo và những biểu hiện cụ thể của hiện tượng xã hội này. Theo nhận thức của một bộ phận khá lớn, cái lí tưởng thường được coi là gắn liền với truyền thống văn hoá dân tộc, còn cái cụ thể, mà một bộ phận quan trọng của nó; lại thường được coi là sản phẩm của những mặt xấu do nền kinh tế thị trường gây ra. Việc đơn giản hoá thành hai mặt đối lập tích cực-tiêu cực

này làm phương hại quá trình nhận thức khoa học và có thể làm cản trở việc tính đến một cách đầy đủ những biến thể đa dạng khác của đời sống tôn giáo mới đang trong quá trình hình thành, chưa thể dễ dàng liệt vào một phạm trù nào.

2. Sự hình thành "một không gian tôn giáo mới".

2.1 *Sự xuất hiện một không gian để ngỏ cho các niềm tin tâm linh - tôn giáo mới.* So sánh tỉ lệ người tin vào linh hồn giữa các địa phương, chúng ta thấy sự giống nhau khá lớn. Trong khi đó, tỉ lệ người có niềm tin vào sự tồn tại của linh hồn và tỉ lệ thực hiện hành vi thờ cúng tổ tiên lại cách nhau khá xa. Về mối tương quan giữa hành vi tôn giáo và niềm tin tôn giáo, nếu như ở phương Tây, phần trăm người Công giáo tin tưởng nhiều hơn tỉ lệ thực hiện hành vi tôn giáo, thì ở nước ta, kết quả ngược lại. Ví dụ, ở Pháp, số người tin tưởng (57%) chiếm một tỉ lệ cao hơn hẳn số người thực hành thường xuyên (10%)⁽⁴⁾. Ngược lại, ở Việt Nam, số người thực hiện hành vi thờ cúng tổ tiên (hơn 90%) lại chiếm một tỉ lệ cao hơn hẳn số người tin vào linh hồn nói chung (khoảng 30%) (Xem bảng 2). Rõ ràng, sự khác biệt có tính nghịch lí này chứa đựng những vấn đề bản chất hơn cho thấy những biến đổi đã và đang diễn ra mạnh mẽ trong đời sống tôn giáo.

Phải chăng có sự mờ nhạt ngày càng lớn của hình ảnh về thế giới bên kia, được hiểu như hoàn toàn khác biệt với thế giới chúng ta đang sống trong quá trình "phục hồi" tôn giáo để tiến dần đến một quan niệm chung, đã có nguồn gốc từ xa xưa. Đó là "trần sao âm vậy", một quan niệm truyền thống mà trong đó chính các nguyên tắc tổ chức của đời sống thực tại được coi như đồng dạng với các đặc trưng của một thế giới vô hình. Chặt chẽ mà nói, phải chăng ở đây việc đặt

niềm tin tuyệt đối vào một thế giới thiêng nào đó sẽ không có trọng lượng bằng sự đầu tư niềm tin và hành vi trực tiếp vào thế giới mình đang sống để mang lại những điều tốt lành ngay trong hiện tại? Sự xuất hiện một "không gian tôn giáo mới" tuy vậy hãy còn sớm để có thể vẽ nên những nét khẳng định rõ ràng.

Tuy nhiên, khác với hệ thống tôn giáo truyền thống được cấu trúc chủ yếu theo không gian lãnh thổ và quan hệ huyết thống, hoặc theo một thể chế chặt chẽ, không gian tôn giáo mới nằm linh hoạt trong tâm thức cá nhân-nhóm (nghề nghiệp hoặc bạn bè), v.v... vận hành theo những nhu cầu hết sức đa dạng và linh hoạt, thường là trong những đan xen với các hệ quy chiếu truyền thống. Những mầm mống của các hiện tượng mới tất nhiên đã xuất hiện ngay từ trong truyền thống và không phải là ít, nhưng phải đến giai đoạn hiện nay mới có điều kiện phát triển sâu rộng khi quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng của công dân được đặt dưới sự bảo trợ của pháp luật và một lối sống mới gắn với nền kinh tế có tính thị trường có điều kiện phát triển. Do đó, nói đến một "không gian tôn giáo mới" về cơ bản không nhằm để chỉ một sự thay đổi có tính chất "cách mạng" trong tôn giáo, mà trước hết muốn khẳng định sự tồn tại của nhiều hoạt động tôn giáo cụ thể, từ nay không dễ dàng đưa vào các phạm trù truyền thống và được phân tích với tư cách là những hiện tượng tôn giáo truyền thống.

4. Xem bảng kết quả "Các đặc trưng tôn giáo ở một số nước" qua cuộc điều tra các giá trị ở châu Âu 1990, bài của Y.Lambert. *Hướng về một thời đại hậu thiên chúa* trong *Futuribles* (tiếng Pháp) tháng 7-8/1995, tr.87.

Bảng 3. Trả lời có cho các nguyên nhân của sự sướng, khổ, thành, bại với mỗi cá nhân.

Do bản thân	Hà Nội	Huế	TPHCM	Vĩnh Phúc	Bến Tre
	81,8	81,7	91,1	80,3	59,8
Hoàn cảnh xã hội	37,2	20,5	34,2	22,4	30,6
Số mệnh	24,8	24,7	11,6	14,6	15,9
Phúc đức ông bà	14,6	19,1	15,8	16,3	43,5
Ý muốn trời, Chúa...	1,5	0,6	1,5	1	3,7

2.2 *Vai trò của chủ thể công dân với việc hình thành một không gian “tôn giáo riêng tư”⁽⁵⁾*. Việc bảo tồn một số hành vi tôn giáo truyền thống trong khi không còn giữ được những niềm tin thực sự như trước là dấu hiệu của một “khoảng trống tinh thần” nhất định trong thế giới tâm linh của một bộ phận nhân dân chưa được khoa học nhận thức đầy đủ. Thay vì tìm về một “thế giới vô hình” theo các khuôn mẫu cũ, người ta có xu hướng tự xây dựng cho mình những biểu tượng tinh thần có khả năng đem lại những niềm tin sống động mới⁽⁶⁾. Hai đặc điểm nổi bật cho thấy diện mạo của không gian “tôn giáo riêng tư” này là: 1- Tính chủ thể được đề cao so với sức mạnh linh thiêng bên ngoài. 2- Sự tôn trọng khá lớn đối với quyền tiến hành những sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo ở người khác. Những niềm tin mới này có điểm chung là hướng về chủ thể hành động, tác nhân thiêng liêng bên ngoài chỉ có tính chất hỗ trợ. Kết quả chung của câu hỏi về “Những nguyên nhân gì quyết định sự sướng khổ, thành bại của một đời người” (xem bảng 3) cho thấy mọi người thường đặt vai trò của bản thân đối với sự thành bại của cuộc đời ở vị trí quan trọng nhất, sau đó là hoàn cảnh xã hội và xa hơn là số mệnh, phúc đức ông bà và cuối cùng là sức mạnh thần linh (xem bảng 3).

Bên cạnh các hành vi tôn giáo được chính thức công nhận còn có các hiện tượng

thường nằm ở ranh giới của cái gọi là mê tín và những hành vi tôn giáo riêng tư. Để tạm thời tiến hành so sánh nhằm đưa ra một nhận thức về các mức độ ảnh hưởng xã hội của loại hiện tượng giáp ranh trên, chúng tôi chia lĩnh vực này làm ba bộ phận: 1/ *Hoạt động có tính chất nhóm* như gọi hồn hay hầu đồng (thường cấu trúc như một hoạt động sân khấu có tính nghi lễ)...; tỉ lệ người tham gia thường là một thiểu số nhỏ bé; 2/ *Hoạt động có tính chất trao đổi tay đôi* như xem bói, xin quẻ, kể cả gọi hồn khi chỉ có hai người tham gia (thường cấu trúc như một quan hệ mua-bán hàng hoá, số lượng người tham gia chỉ cần một chủ, một khách)...; số lượng người tham gia đông hơn; 3/ *Những hành vi coi như có tính chất cá nhân* (người ta có thể tự thực hiện một mình, hành vi này cấu trúc như một hoạt

5. Theo ý kiến của T. Luckmann (1967): “sự suy tàn trong các thực hành tôn giáo thiết chế hoá đã mang ý nghĩa rằng những hình thái riêng của tôn giáo đang bắt đầu xuất hiện, và các nhà “chuyên môn” “chuyên gia” của các tôn giáo thiết chế hoá (tu sĩ và các nhà thần học) ít có khả năng kiểm soát, giải thích và nói về tôn giáo riêng tư này với uy quyền hợp pháp”; trích trong: “*Nhập môn xã hội học*”, Nxb KHXH, 1993, tr.378.

6. Thường là sự cải biến các biểu tượng cũ, đặc biệt là xu hướng tăng cường sự chuyên môn hoá các chức năng thần thánh (ví dụ hiện tượng Bà Chúa Kho, thần cho vay tiền rất nổi tiếng và nhiều thần linh khác); cũng có thể là sự kết hợp với một số yếu tố hiện đại, đặc biệt là các hiện tượng “phép lạ” dưới các tác động của khoa học

Bảng 4. Thái độ đối với các hành vi tôn giáo ở người thân hoặc bạn bè tại Vĩnh Phúc (VP) và Bến Tre (BT).

	Rất đồng tình		Đồng tình		K.ý kiến		K.đồng tình		Phản đối	
	BT	VP	BT	VP	BT	VP	BT	VP	BT	VP
Đi lễ chùa	24,3	40,7	31,3	-	31,7	52,9	6	-	4	8,5
Xem ngày giờ	15	19,3	23,3	-	35,3	44,1	13,7	-	10,3	35,9
Đi lễ thần thánh	8,7	10,5	14,7	-	43	52,9	17,3	-	13,3	36,3
Cúng sao giải hạn	15	7,5	16,7	-	39,7	43,7	15	-	11,3	48,1
Xem tử vi	8,7	2,0	14,7	-	40	38,3	16	-	18	59,3
Gọi hồn	2	2,7	1,7	-	29	35,6	26,3	-	37,7	61
Hầu bóng (đồng)	1,3	0,7	1,7	-	28,3	28,5	25	-	39,7	70,2

động nghi lễ hướng nội) như cúng sao giải hạn, lại có lượng người thực hiện cao hơn cả (xem bảng 1). Qua kết quả phỏng vấn, có thể thấy hai đặc điểm. Một là, đối với những hành vi thuộc loại hình này hành vi có ít người thực hiện thì tỉ lệ người trả lời không đồng tình cao hơn hành vi có nhiều người thực hiện. Hai là, kiểu hành vi nào càng mang tính cá nhân cao thì số người thực hiện lại càng nhiều⁷. Điều nổi bật là, bộ phận “Không có ý kiến” đối với hành vi của người khác không phải là nhỏ (trên dưới 1/3 số người được hỏi), ngay cả đối với các hành vi có một sự thừa nhận xã hội thấp như “Gọi hồn”, “Hầu đồng” (xem bảng 4). Như vậy, một câu hỏi được đặt ra là trong việc hình thành một thái độ trung tính (“Không ý kiến”) đâu là dấu hiệu của sự “khoan dung” tinh thần vốn có trong truyền thống, đâu là biểu hiện sự gia tăng tính độc lập của sinh hoạt cá nhân trong một xã hội đang trong quá trình hiện đại hoá? Đó là một vấn đề thú vị cần được tiếp tục làm sáng tỏ.

2.3 Tính phức tạp và đa dạng của “không gian tôn giáo mới”. Trong phần này có hai điểm cần chú ý. Thứ nhất, hành vi tôn giáo với tính cách là ứng xử mang tính cách cá

nhân. Thứ hai, những cơ sở xã hội sâu xa của các hành vi tôn giáo. Rõ ràng, bên cạnh tính xã hội, tôn giáo còn là một hiện tượng mang nhiều tính tâm lí cá nhân, không dễ gì đồng nhất hoàn toàn nó với những nếp ứng xử đã được đúc lại thành phong tục tập quán. Chính cái mặt thâm trầm này tạo nên chiều sâu của đời sống tâm linh. Ở đây các hoạt động được coi là thuộc về tâm lí cá nhân có vai trò làm đường truyền dẫn các sức mạnh tâm linh nằm sâu trong cõi vô thức nổi lên trên ý thức mỗi con người. Mặc dầu xã hội đổi thay, nhưng các cơ chế tâm lí cá nhân vẫn tồn tại âm thầm và có tính độc lập tương đối. Lấy hai thí dụ khá tiêu biểu là *điềm* (như sự liên hệ của các hiện tượng ngẫu nhiên được quan sát, được quy vào mối quan hệ nhân quả) và *báo mộng* (như sự liên hệ của thế giới chủ quan với những hiện tượng xảy ra bên ngoài) (xem bảng 3). Hai hiện tượng này thường là những cái nút trong chuỗi bản khoán thâm kín của mỗi cá nhân trước số phận riêng, mang nhiều màu sắc tâm linh, đôi khi có thể làm trung gian cho niềm tin vào sự tồn tại của linh hồn.

7. Hành vi cá nhân hướng nội có tính cá nhân cao hơn hành vi trao đổi, hành vi có tính trao đổi tay đôi cao hơn hành vi có tính chất nhóm.

Về mặt thống kê, có thể thấy, tỉ lệ niềm tin vào hai hiện tượng này cũng như một số thờ cúng phổ biến khác (Thần Tài, Thổ Công, Quan Âm, v.v...) và các hành vi như xem bói, ở tuyệt đại đa số các địa phương đều tỉ lệ nghịch với trình độ học vấn, (riêng niềm tin vào “hiện tượng ngoại cảm” lại tăng lên). Tuy nhiên, mối quan hệ giữa việc thờ cúng và học vấn phức tạp hơn. Rõ ràng thanh niên là bộ phận có trình độ học vấn ngày càng cao hơn các thế hệ trước, do đó, lẽ ra ngày càng ít tin theo kiểu cũ, trong khi đó kết quả trên lại cho thấy phần nào điều ngược lại. Thanh niên có trình độ học vấn phổ thông lại là bộ phận có xu hướng tham gia nhiều nhất vào sự phục hồi của các niềm tin truyền thống này. Từ đó, rút ra một gợi ý quan trọng về sự phân hoá trong lòng “thế hệ trẻ” (theo cách hiểu của cuộc điều tra là dưới 30 tuổi), một bộ phận có xu hướng “quay về” một vũ trụ biểu tượng tôn giáo sẵn có (bộ phận có trình độ học vấn thấp hơn), trong khi một bộ phận khác có xu hướng giữ một cái nhìn “khoa học” hơn với nhiều đánh giá mới về vũ trụ quan này (bộ phận có trình độ học vấn cao hơn). Sự phân hoá cũng được biểu lộ khá rõ qua khu vực địa lí: niềm tin vào số mệnh đối với sự thành công cá nhân ở Thành phố Hồ Chí Minh là thấp nhất (trình độ đại học: 2%; phổ thông: 13%), trong khi ở Hà Nội và một số đô thị miền Bắc lại cao hơn (trình độ đại học: 16%; phổ thông: 25%). Sự phân hoá giữa thái độ tôn giáo “mới” và “cũ” như vậy còn gắn liền với trình độ công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước, vốn diễn ra không đồng đều ở các địa phương và các tầng lớp xã hội.

3. Một số chức năng xã hội cơ bản của các tôn giáo

Có thể thấy nổi lên *ba chức năng xã hội cơ bản của tôn giáo*: thoả mãn các nhu cầu đa dạng (mặt thực dụng, thiên về đời sống

vật chất); bảo tồn chuẩn mực đạo đức và kỉ ức (mặt bảo tồn, thiên về đạo đức); phát triển tâm linh (mặt sáng tạo, thiên về văn hoá). Đây là những điều được rút ra trong quá trình tiến hành tổng kết các cuộc điều tra xã hội học tôn giáo. Việc đi sâu vào mặt chức năng, nghĩa là coi các tôn giáo như một thành tố của đời sống xã hội, có thể giúp cho việc nghiên cứu dễ hướng vào những vấn đề trường tồn của đời sống tôn giáo trong một chỉnh thể xã hội, từ đó có thể tìm ra một phương pháp luận nghiên cứu tương đối thống nhất, ngay cả khi có những biến đổi hết sức to lớn trên bề mặt.

3.1 *Bảo tồn các giá trị đạo đức và kỉ ức tập thể.* Trong cuộc điều tra tại Bến Tre, phiếu phỏng vấn đưa thêm một số hành vi và hoạt động tinh thần cụ thể để người trả lời tự xác định xem có phải là tội lỗi hay không, rồi với chính những hành vi được coi là tội lỗi đó, hỏi xem có thể chuộc lại những tội lỗi này không⁽⁸⁾. Kết quả thu được cho thấy đối với một số khá lớn hành vi, người trả lời thường có mặc cảm tội lỗi và trong số những người cảm thấy có lỗi đó thì khá đông cho rằng sai lầm đó không thể chuộc lại được. Với hai hành vi “cố ý làm người khác đau khổ” và “quan hệ tình dục ngoài hôn nhân”, đại đa số người trả lời cho là tội lỗi, trong đó *hơn một nửa thấy rằng điều này là một sai lầm không thể chuộc lại được*, và tỉ lệ này cũng khá cao trong những mục khác. Điều này trái với cái nhìn “lạc quan” rút ra từ kết quả câu hỏi “chuộc lại lỗi được không?”, được thực hiện trong một số điều tra trước, theo đó chỉ có dưới 10% khẳng định là có những việc làm sai không thể sửa chữa được. Kết hợp với các phỏng

8. Để tiếp cận được với khía cạnh phức tạp của hiện thực, những hành vi được chọn phân lớn đều nằm ở ranh giới giữa cái sai tuyệt đối và cái sai có thể chấp nhận được.

vấn trực tiếp, có thể thấy sự ràng buộc của các chuẩn mực đạo đức đối với việc đánh giá hành vi có một vai trò rất lớn. Phải chăng cái cơ chế của sự ràng buộc đạo đức này bắt nguồn một phần từ tôn giáo? *Nếu đúng là như vậy thì cái tôn giáo của số đông phải chăng là tôn giáo hướng về tu dưỡng bản thân và làm việc thiện, bảo tồn các giá trị cơ bản của đời sống xã hội?*

Chức năng nền tảng của đời sống tôn giáo là bảo tồn những truyền thống xã hội. Ở đây ta có thể nói đến một mặt đặc biệt quan trọng của nó, đó là *sự trung thành với kí ức tập thể*. Chính ở điểm này mà tôn giáo có thể phát huy vai trò của nó là tạo thành những chất keo dính của tình đoàn kết xã hội, nhằm thiêng liêng hoá các quan hệ bởi sự gắn bó những người đang sống với nhau và đặc biệt với những người qua đời. Trong các cuộc phỏng vấn tại Bến Tre, chúng tôi thường nhận được một câu trả lời đơn giản nhưng khá phổ biến là: thờ cúng ông bà để “*Nhớ người đã khuất*”. Mệnh đề này hé lộ một nội dung quan trọng đích thực của việc thờ cúng là bảo tồn kí ức qua đó mà mỗi tập thể có thể tiếp tục tự mình tái tạo và phát triển.

3.2 Phát triển các phẩm chất tâm linh.
Về vai trò thứ hai của tôn giáo trong việc phát triển và hoàn thiện các phẩm chất tâm linh ở mỗi người, chúng tôi tạm lấy trường hợp điển hình của đạo Phật. Qua kết quả trả lời cho thấy việc tu dưỡng bản thân (bước đầu của sự hình thành phẩm chất tâm linh) là điều kiện cho việc duy trì các chuẩn mực đạo đức. Nhưng ở đây, chúng tôi tạm phân biệt một bên là chuẩn mực được coi như những ràng buộc từ bên ngoài, ảnh hưởng đến thế giới tinh thần của người trong cuộc và một bên là phẩm chất tâm linh được coi như những đòi hỏi sâu sắc xuất phát từ bên trong, thường có mục đích vị tha. Có một bộ

phận đáng kể người đi lễ với mục đích sâu xa, ví dụ như để phước cho con cháu (đây có thể coi như một phẩm chất tâm linh): Hà Nội 38%, Huế 28,7%, Tp. Hồ Chí Minh 30,9%. Kết quả cuộc điều tra cũng cho thấy, đa số người trả lời theo đạo Phật là do đòi hỏi bên trong của bản thân để làm việc thiện hoặc vì *yếu thích* những điều tốt đẹp trong tôn giáo này. Động cơ theo đạo do thấy cuộc sống là đau khổ chỉ chiếm một tỉ lệ rất nhỏ. Sự tu dưỡng bản thân và phát triển các phẩm chất tâm linh còn thể hiện rộng rãi ở những đóng góp tích cực của các tôn giáo vào đời sống, vì hạnh phúc của nhân dân, vì sự phát triển tốt đẹp của xã hội thể hiện qua việc khơi dậy các truyền thống văn hoá tâm linh tôn giáo trên tất cả các lĩnh vực của đời sống tinh thần.

3.3 Sử dụng tôn giáo phục vụ các nhu cầu cá nhân. Vai trò quan trọng thứ ba của tôn giáo được trình bày ở đây là ở chỗ có thể an ủi, khơi dậy lòng khao khát sống ở những người gặp bất hạnh cũng như giúp đỡ những người có mong muốn làm được những điều vượt quá khả năng của mình. Loại vai trò này của tôn giáo thể hiện một cách sinh động trong các hành vi đủ loại của mối quan hệ giữa con người và những thế giới huyền bí. Rõ ràng là nếu như hai vai trò đầu của tâm linh dễ được xã hội chấp nhận một cách phổ biến do tính chất chuẩn mực và lí tưởng của nó, thì vai trò thứ ba này lại nhận được một thái độ đối xử khá phức tạp vì nó là một nhu cầu cá nhân hơn, sát thực tế hơn nhiều và vì thế đa dạng hơn. Động lực lợi ích cá nhân, dù xấu hay tốt, được ủng hộ hay lên án về mặt xã hội, thường thúc đẩy người ta đến với tôn giáo. Đây cũng chính là trung tâm sinh động và hạt nhân tạo nên chất men trực tiếp của đời sống tôn giáo hàng ngày, là một trong những động lực chính của "không gian tôn

giáo mới". Chức năng này của tôn giáo dường như được biểu hiện một cách sôi động nhất trong sự trở lại của tôn giáo những năm gần đây (xem thêm phần 2.2.). Do đó, cần được chú ý nghiên cứu.

Một vài lời kết.

Một xu thế chung bao trùm có thể nhận thấy qua các điều tra từ 1995 đến 1998 là sự phai nhạt dần của một vũ trụ quan tôn giáo truyền thống với tư cách là một hệ thống hoàn chỉnh. Bên cạnh đó, một số giá trị tôn giáo có ý nghĩa tích cực đối với việc củng cố các quan hệ cộng đồng vẫn được nỗ lực bảo tồn và khôi phục. Việc nhận diện đúng hiện tượng tôn giáo trong đời sống, do đó, là bước đi quan trọng hàng đầu để có thể tiếp cận đúng với đối tượng nghiên cứu đang trong giai đoạn chuyển biến mạnh mẽ. Giả thuyết điều tra về sự khác biệt giữa bộ phận Công giáo với bộ phận các tôn giáo truyền thống đã giúp ích cho việc rút ra một số đặc trưng của các hệ thống tôn giáo này. Tuy nhiên, nếu chỉ như vậy, sẽ không đủ để nhận thức được những thay đổi lớn của tình hình tôn giáo đương đại. Để tiếp tục tiến hành những nghiên cứu mới, không thể không nhận thấy sự xuất hiện "một không gian tôn giáo mới" là kết quả của những thay đổi xã hội lớn lao trong những năm vừa qua. Trên bình diện đó, nổi lên một số điểm

đáng chú ý sau: vai trò của tôn giáo trong các mối quan tâm hàng ngày; sự chuyên môn hoá các biểu tượng tôn giáo có tính thực dụng; sự hình thành một không gian tôn giáo mang tính cá nhân ngày càng cao; tâm lí bề sâu là một lĩnh vực quan trọng khiến tôn giáo ăn sâu vào xã hội bên cạnh những ảnh hưởng trên quy mô lớn; mối quan hệ giữa tôn giáo và khoa học (đặc biệt là giữa Phật giáo và khoa học, Đạo giáo và khoa học cũng như các hiện tượng tôn giáo mới) ngày càng trở nên một trong những động lực phát triển của tôn giáo; sự biến đổi của các biểu tượng tôn giáo truyền thống; sự kết hợp giữa các truyền thống tôn giáo tạo nên sức sống mới; sự phân hoá theo các mức độ khác nhau trong thái độ đối với tôn giáo giữa các tầng lớp xã hội, giữa các trình độ học vấn khác nhau, giữa các thế hệ khác nhau, giữa các địa phương v.v... Bên cạnh đó là việc khẳng định rõ thêm một số yếu tố hết sức nền tảng và gắn với bản chất của đời sống tôn giáo như: sự bảo tồn truyền thống, sự phát triển các phẩm chất tâm linh, việc đáp ứng các nhu cầu thực dụng v.v... Trong sự đa dạng đó, việc tiếp cận tổng hợp bằng các phương pháp xã hội học và liên ngành sẽ là những hỗ trợ quý báu để nghiên cứu toàn diện hơn về đời sống tôn giáo hiện nay ở nước ta./.